

TIẾNG VIỆT 3 – PHIẾU BÀI TẬP 14

Chuyên đề: Phân biệt vần "ăn" / "ăng", Câu khiến & Từ trái nghĩa

Họ và tên:

Lớp:

PHẦN 1: Điền ăn hay ăng vào chỗ trống và điền dấu thanh thích hợp.

1. Mùa hè đến, ánh nắng chói chang chiếu xuống mặt hồ phẳng l.....
2. Bé giặt sạch chiếc kh..... mặt rồi đem phơi ra n.....
3. Bác thợ l..... đang đeo đôi g..... tay để chuẩn bị làm việc dưới nước.
4. Chúng em cùng nhau cố g..... học tập tốt để giành chiến th..... trong kỳ thi.
5. Mẹ d..... dò bé phải cẩn thận khi qua đường.

PHẦN 2:

Bài 1: Chuyển các câu kể sau thành câu khiến thích hợp

1. Chúng ta dựng lều cắm trại bên bờ suối.
→ Câu khiến:
2. Hải thu gom rác thải sau chuyến dã ngoại.
→ Câu khiến:
3. Mọi người chú ý cẩn thận khi bước qua suối đá gập ghềnh.
→ Câu khiến:
4. Bạn Linh chụp giúp tôi một bức ảnh kỉ niệm cùng đàn bướm.
→ Câu khiến:
5. Các thành viên chuẩn bị dụng cụ nấu ăn cho bữa tối ngoài trời.
→ Câu khiến:

Bài 2: Tìm câu khiến trong đoạn văn

"Đoàn thám hiểm dừng chân nghỉ ngơi dưới gốc cây cổ thụ sau quãng đường dài băng qua cánh rừng nguyên sinh. Nhìn trời sắp hứng nắng sau cơn mưa rào, bác đội trưởng quay lại dặn dò các thành viên: 'Mọi người hãy nhanh tay kiểm tra lại hành lý và dụng cụ nhé!'. Thấy Huy đang mãi nhìn đàn chim hót trên cành cao, anh hướng dẫn viên mỉm cười gọi: 'Huy ơi, em hãy kiểm tra lại đôi găng tay dã ngoại đi nào!'. Cả đoàn hào hứng chuẩn bị bước tiếp. Trước khi xuất phát, bác đội trưởng cẩn thận nhắc nhở thêm: 'Chúng ta hãy nhớ giữ khoảng cách và luôn đi theo đoàn đấy!'."

Các câu khiến có trong đoạn văn trên là:

.....

.....

.....

PHẦN 3: BÀI TẬP VỀ TỪ TRÁI NGHĨA

Bài 1: Nối các từ ở Cột A với từ trái nghĩa tương ứng ở Cột B

Cột A

1. Siêng năng
2. Cẩn thận
3. Dũng cảm
4. Rộng lượng
5. Yên tĩnh

Cột B

- a) Hẹp hòi
- b) Ôn ào
- c) Lười biếng
- d) Cầu thả
- e) Hèn nhát

Nối đáp án: 1 – ; 2 – ; 3 – ; 4 – ; 5 –

Bài 2: Xác định cặp từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ

1. "Thức khuya dậy sớm."

→ Cặp từ trái nghĩa:

.....

2. "Việc nhà thì nhát, việc chú bác thì siêng."

→ Cặp từ trái nghĩa:

.....

3. "Lên thác xuống ghềnh."

→ Cặp từ trái nghĩa:

.....

4. "Trước lạ sau quen."

→ Cặp từ trái nghĩa:

.....

5. "Chân cứng đá mềm."

→ Cặp từ trái nghĩa:

.....

Bài 3: Điền từ trái nghĩa thích hợp để hoàn thành câu thành ngữ/tục ngữ

1. Gàn mực thì đen, gàn đèn thì

2. Bán anh em xa, mua láng giềng

4. Sáng nắng, chiều

